

Số: 20/2024/QĐST-KDTM

Sơn Trà, ngày 23 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2024

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP P** địa chỉ trụ sở chính: 25 đường B,, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Công H, chức vụ: Trưởng Phòng khách hàng doanh nghiệp - Chi nhánh Đ và ông Đỗ Ngọc K, chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp (Theo Quyết định ủy quyền số 2992/2021/QĐ-TGD ngày 31/12/2021 của Tổng Giám đốc và Giấy ủy quyền ngày 2/5/2024 của Giám đốc Trung tâm xử lý nợ kiêm Trưởng phòng xử lý nợ).

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH T**, địa chỉ: Số 578 đường N, phường A quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T, chức vụ: Giám đốc.

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Đậu Thị T**, sinh năm: 1959, địa chỉ: Tổ 39, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ: Công ty TNHH T xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP P số tiền 7.931.680.560 đồng (bảy tỷ, chín trăm ba mươi một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, năm trăm sáu mươi đồng), trong đó:

Nợ gốc: 6.899.999.827 đồng;

Lãi trong hạn: 32.907.694 đồng;

Lãi quá hạn và lãi phạt: 998.773.039 đồng (Nợ lãi tính đến ngày 15/8/2024)

2.2. Về phương thức thanh toán:

Công ty TNHH T thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền 7.931.680.560 đồng (bảy tỷ, chín trăm ba mươi một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, năm trăm sáu mươi đồng) vào ngày 15/9/2024.

Kể từ ngày 16/8/2024 Công ty TNHH T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 21749/21MB/HĐTD ngày 05/10/2021, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 21749/21MB/HĐTD/KUNN14 ngày 10/4/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 21749/21MB/HĐTD/KUNN15 ngày 10/4/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 21749/21MB/HĐTD/KUNN16 ngày 11/4/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 21749/21MB/HĐTD/KUNN17 ngày 11/4/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 21749/21MB/HĐTD/KUNN18 ngày 11/4/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 21749/21MB/HĐTD/KUNN19 ngày 12/4/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 21749/21MB/HĐTD/KUNN20 ngày 12/4/2023 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng: 116.3 m², diện tích sử dụng: 390.4 m², hình thức sở hữu: Sở hữu riêng, Cấp (Hạng): Cấp III (Bốn tầng, tường xây, mái đúc, sàn đúc) thửa đất số 17, tờ bản đồ số 14, địa chỉ 578 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B, số vào sổ cấp GCN: CTs do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 10/7/2015, cập nhật thay đổi ngày 03/02/2021 đứng tên bà Đậu Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 21749/21MB/HĐBĐ ngày 05/10/2021, được công chứng tại Văn

phòng công chứng Phạm Văn K, thành phố Đà Nẵng; Số công chứng: 2320, quyền số 01T/2021, TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp ngày 06/10/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận S, thành phố Đà Nẵng để đảm bảo thi hành án.

Trong trường hợp số tiền phát mãi hoặc thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P thì Công ty TNHH T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.4. Về án phí: Công ty TNHH T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 57.965.840 đồng (Năm mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi đồng)

Ngân hàng TMCP P không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 57.772.911 đồng (Năm mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm mười một đồng) Ngân hàng TMCP P đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002573 ngày 22/5/2024

2.5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP P tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng